TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Tuyền

Ông Huỳnh Minh Nhì

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Huỳnh Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Diễm K** , sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp N, xã V, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn L** , sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp N, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Diễm K trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1999, đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách. Chị phát hiện anh L có người phụ nữ khác, chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L .

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Phạm Chí C , sinh ngày 19/02/2000, Phạm Kim N , sinh ngày 15/12/2001 và Phạm Thảo S , sinh ngày 10/3/2005. Các con đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị K xác định không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị K đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh L vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị K được ly hôn với anh L . Về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, về nợ chung, tài sản chung không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L .

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị K và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị K cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách. Chị phát hiện anh L có người phụ nữ khác, chị và anh L đã

sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Còn anh L vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Theo biên bản xác minh tại ấp N ngày 30/7/2025 thể hiện anh chị có mâu thuẫn nhưng không trình báo địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị K và anh L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không khắc phục được. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị K đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh L . Tòa án đã mở phiên họp, cho cả hai đương sự thời gian, cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh L không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K với anh L .

[4] Về con chung: Chị K và anh L có 03 con chung là Phạm Chí C , sinh ngày 19/02/2000, Phạm Kim N , sinh ngày 15/12/2001 và Phạm Thảo S , sinh ngày 10/3/2005. Các con của anh chị đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị K xác định anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị K xác định chị và anh L không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Diễm K được ly hôn với anh Phạm Văn L .

2. Về con chung: có 03 con chung là Phạm Chí C , sinh ngày 19/02/2000, Phạm Kim N , sinh ngày 15/12/2001 và Phạm Thảo S , sinh ngày 10/3/2005. Con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Chị K xác định chị và anh L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị K xác định chị và anh L không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0015246 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- An Giang).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh